

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**  
**ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING**

**Kính gửi:**

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ Authorised Participants and Investors

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư IPA Partner thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:  
IPA Partner Investment Fund Management Limited Company would like to announce the information after exchange trading:

1. Tên quỹ ETF/ *ETF name* : Quỹ ETF IPAAM VN100
2. Mã chứng khoán/ *Securities code* : **FUEIP100**
3. Tên CTQLQ/*Fund management Company*: Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư IPA Partner/  
IPA Partner Investment Fund Management Limited Company
4. Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank* : Ngân hàng Vietcombank/ *Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam*
5. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date* : **20/05/2026**
6. Đơn vị tính/*Unit*: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.*
7. Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/*Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No.	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock	1,403,390,000	96.62%
1	ACB	2,200	3.45%
2	BID	200	0.61%
3	BSR	200	0.43%
4	BVH	100	0.49%
5	CII	300	0.39%
6	CTG	600	1.48%
7	DBC	100	0.15%
8	DCM	100	0.29%
9	DGW	100	0.29%
10	DIG	400	0.40%
11	DPM	100	0.19%
12	DXG	400	0.44%
13	EIB	700	1.05%
14	EVF	400	0.38%
15	FPT	700	3.59%
16	FRT	100	0.91%
17	GAS	100	0.60%
18	GEX	300	0.75%
19	GMD	200	1.09%
20	GVR	100	0.25%
21	HAG	300	0.32%
22	HCM	300	0.62%
23	HDB	2,000	3.68%
24	HDG	100	0.17%
25	HHV	200	0.16%
26	HPG	2,100	3.80%
27	HSG	200	0.17%
28	KBC	300	0.65%
29	KDH	400	0.64%
30	LPB	1,400	4.97%
31	MBB	2,000	3.45%
32	MSB	1,100	1.09%
33	MSN	500	2.63%
34	MWG	600	3.23%
35	NAB	800	0.68%
36	NKG	200	0.19%
37	NLG	200	0.36%
38	NVL	700	0.80%
39	OCB	400	0.31%
40	PCI	100	0.13%
41	PDR	300	0.35%
42	PLX	100	0.29%
43	PNJ	200	0.90%
44	POW	300	0.29%
45	PVD	100	0.23%
46	PVT	100	0.16%
47	REE	100	0.37%
48	SAB	100	0.33%
49	SHB	1,900	1.79%
50	SSB	700	0.80%
51	SSI	900	1.72%
52	STB	900	4.48%



53	TCB	2,000	4.49%
54	TCH	300	0.34%
55	TPB	800	0.85%
56	VCB	500	2.22%
57	VCG	200	0.29%
58	VCI	400	0.71%
59	VHM	700	7.57%
60	VIB	1,100	1.20%
61	VIC	700	10.85%
62	VIX	1,300	1.72%
63	VJC	100	1.18%
64	VND	600	0.70%
65	VNM	400	1.65%
66	VPB	2,200	4.05%
67	VPL	100	0.63%
68	VRE	400	0.92%
69	VSC	200	0.29%
II.	Tiền/Cash (VND)	49,057,095	3.38%
III.	Tổng/Total	1,452,447,095	100.00%

8. Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/  
Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

- Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND)	1,403,390,000
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit: (VND)	1,452,447,095
- Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND)	49,057,095

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

9. Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
1	ACB	22,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	44,250	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of
3	FPT	74,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	78,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	25,050	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	78,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	65,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	53,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	32,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	15,350	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	26,750	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	16,950	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

10. Các chỉ tiêu khác/ Other criteria

Chỉ tiêu/ Criterias	Kỳ này/ This period (*)	Kỳ trước/ Last period (**)	Chênh lệch/ Changes
	20/05/2026	19/05/2026	
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ Creations Units were redeemed	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đang ký niêm yết/ Outstanding Shares	5,000,000	5,000,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close price	13,400	13,720	(320)
5. Giá trị tài sản ròng/ Net Asset value			
Của quỹ ETF/ of the fund	72,622,354,752	73,061,601,303	(439,246,551)
Của 1 lô ETF/ per creation unit	1,452,447,095	1,461,232,026	(8,784,931)
Của một chứng chỉ quỹ/ per share	14,524.47	14,612.32	(87.85)
6. Chỉ số tham chiếu/ Benchmark Index	1,958.35	1,965.64	(7.29)

(\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày

Item 5 is asset value calculated as at

(\*\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày

Item 5 is asset value calculated as at


Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclose on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

70317  
CÔNG TY  
TNHH  
LÝ QUỸ Đ  
PARTN  
PHỐ H

Đại diện tổ chức/Organization Representative  
Người được ủy quyền công bố thông tin/Persons Authorized to Disclose Information  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)/ (Signature, full name and seal - if any)



  
Kế toán trưởng  
Nguyễn Thị Thúy Lan

